

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững thì luôn phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp theo đuổi. Để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu từ tổ chức quản lý đến sản xuất kinh doanh và tiêu thụ. Do vậy, tổ chức quá trình sản xuất tiêu thụ hợp lý, hiệu quả đã và đang trở thành một vấn đề bao trùm toàn bộ hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Nhận được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo, em đã tìm hiểu sâu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Và em quyết định chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo**” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của bài khóa luận ngoài lời mở đầu và phần kết luận gồm:

***Chương 1:** Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

***Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.*

***Chương 3:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.*

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là ThS. Nguyễn Thị Mai Linh. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài khoản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh là một công đoạn quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh có thể cho chúng ta thấy được tình hình hoạt động của doanh nghiệp phản ánh qua các chỉ tiêu như : Doanh thu, lợi nhuận khác và các khoản chi phí qua đó chúng ta cũng có thể biết được nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước thông qua khoản mục thuế và các khoản phải nộp. Và hơn thế nữa đất nước ta đang ở trong giai đoạn hội nhập, đổi mới và phát triển không ngừng. Cùng với sự phát triển và đổi mới này, các doanh nghiệp phải cạnh tranh nhau để tồn tại. Muốn tồn tại và có vị trí vững mạnh thì quá trình kinh doanh của doanh nghiệp phải có lợi nhuận cao. Vấn đề hàng đầu là làm thế nào doanh nghiệp đạt được lợi nhuận tối ưu, để biết được điều này thì đòi hỏi bộ phận kế toán phải xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Mà để có thể xác định được điều đó thì tiêu thụ là một khâu vô cùng quan trọng thông qua đó doanh nghiệp có thể biết được cần

phát triển đầy mạnh sản xuất mặt hàng nào. Từ đó căn cứ vào những số liệu cụ thể về doanh số bán hàng cùng các chỉ tiêu khác trong báo cáo kết quả kinh doanh mà nhà quản trị sẽ đưa ra được những quyết định ngắn hạn và dài hạn chính xác giúp doanh nghiệp đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản.

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “ **Doanh thu và thu nhập**” ban hành theo quyết định 149 ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính thì:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

*Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

*Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

*Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

*Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

*Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng

+ Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đó thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

+ Phương thức gửi hàng: theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đó trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

+ Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

+ Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

+ Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ.

+ Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu ra.

-Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- * Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- * Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- * Xác định được phần công việc đó hoàn thành vào ngày lập BCDKT
- * Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành

giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu như : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- Chiết khấu thương mại:

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán.

- Giảm giá hàng bán:

Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Hàng bán bị trả lại:

Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế. Như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần).

-Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ phải chịu, các cơ sở sản xuất, kinh

doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ đó.

+ Thuế TTĐB: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những hàng hoá đặc biệt thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB.

+ Thuế XK: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

+ Thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp: Là tính thuế GTGT phải nộp trực tiếp trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ.

Doanh thu thuần: Là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi do cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu từ cho thuê quyền sở hữu, sử dụng tài sản, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, chiết khấu thanh toán được hưởng, thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài. Các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng...

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung ” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ/BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà các doanh nghiệp đó bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định.

Chi phí bao gồm:

*** Giá vốn hàng bán:**

Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ- đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

***Chi phí bán hàng:**

Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí dụng cụ đồ dùng; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí bằng tiền khác.

Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ cần được phân loại rõ ràng và tổng hợp theo đúng nội dung quy định. Cuối kỳ kế toán cần phân bổ và kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình doanh nghiệp và đặc điểm sản xuất kinh doanh.

- Đối với doanh nghiệp trong kỳ không có sản phẩm ,hàng hoá tiêu thụ thì toàn bộ chi phí bán hàng được kết chuyển sang theo dõi ở "chi phí chờ kết chuyển".

- Đối với các doanh nghiệp sản xuất có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, trong kỳ có sản phẩm tiêu thụ ít hoặc đối với các doanh nghiệp thương mại kinh doanh hàng hoá có dự trữ và luân chuyển hàng hoá lớn (tồn nhiều, xuất bán nhiều) thì cuối kỳ cần phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn kho cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành "chi phí chờ kết chuyển" và phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã được bán trong kỳ để xác định kết quả.

***Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn

doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuê phí, lệ phí; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

***Chi phí tài chính:** Là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

***Chi phí khác:** Là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Bị phạt thuê truy nộp thuế

+ Các khoản chi phí khác.

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm, là căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm tài chính.

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác trong doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Lợi nhuận thuần} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuế của} & = & \text{từ hoạt động} & + & \text{hoạt động} & + & \text{từ hoạt động} \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{kinh doanh} & & \text{tài chính} & & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận thuần} & & \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Chi phí bán hàng} & & \\ \text{từ hoạt động} & = & & - & \text{và chi phí quản lý} & & \\ \text{kinh doanh} & & & & \text{doanh nghiệp} & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận gộp} & = & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn hàng} & & \\ & & \text{thuần} & & \text{bán} & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí} & & \\ \text{hoạt động} & = & \text{hoạt động} & - & \text{hoạt động} & & \\ \text{tài chính} & & \text{tài chính} & & \text{tài chính} & & \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Tổng lợi} & & \text{Chi phí thuế} & & \\ \text{thuế thu nhập} & = & \text{nhuận kế toán} & - & \text{thu nhập} & & \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{trước thuế} & & \text{doanh nghiệp} & & \end{array}$$

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- HĐGTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 14 – BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 15 – BH)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, sộc chuyển khoản, sộc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng...)
- Các chứng từ có liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập

kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

** Kết cấu của TK 511:*

Bên nợ:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán trả lại.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực hiện trong kỳ.

** Tài khoản 511 không có số dư, có 6 tài khoản cấp 2:*

- TK 5111 : doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 : doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 : doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 : doanh thu kinh doanh bất động sản
- TK 5118 : doanh thu khác

- **Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty.

** Kết cấu TK 512:*

Bên nợ:

- Thuế bán hàng đặc biệt phải nộp
- Trị giá hàng bán bị trả lại, các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại
- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Bên có:

- Tổng doanh thu nội bộ trong kỳ
 - * Tài khoản 512 không có số dư, có 3 tài khoản cấp 2:
- TK 5121: doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122: doanh thu bán thành phẩm
- TK 5123: doanh thu cung cấp dịch vụ
- **Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại.**

Tài khoản này phản ánh số tiền doanh nghiệp giảm giá cho khách hàng mua với số lượng lớn.

* *Kết cấu TK 521:*

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

* Tài khoản 521 không có số dư, có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211: chiết khấu hàng hoá
- TK 5212: chiết khấu thành phẩm
- TK 5213: chiết khấu dịch vụ

- **Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại.**

Tài khoản này phản ánh doanh thu của số thành phẩm hàng bán đã tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân lỗi thuộc về doanh nghiệp.

* *Kết cấu TK 531:*

Bên nợ: - Trị giá hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ

Bên có: - Kết chuyển giá trị hàng bán bị trả lại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

* Tài khoản 531 không có số dư

- **Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này được dùng để phản ánh các khoản giảm bớt giá cho khách

hàng do thành phẩm, hàng hoá kém chất lượng, không đạt yêu cầu của khách hàng.

** Kết cấu TK 532:*

Bên nợ:

- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán

** Tài khoản 532 không có số dư.*

- Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp

Tài khoản này phản ánh tình hình thanh toán với nhà nước về thuế và các khoản có nghĩa vụ khác.

** Kết cấu của TK 333:*

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

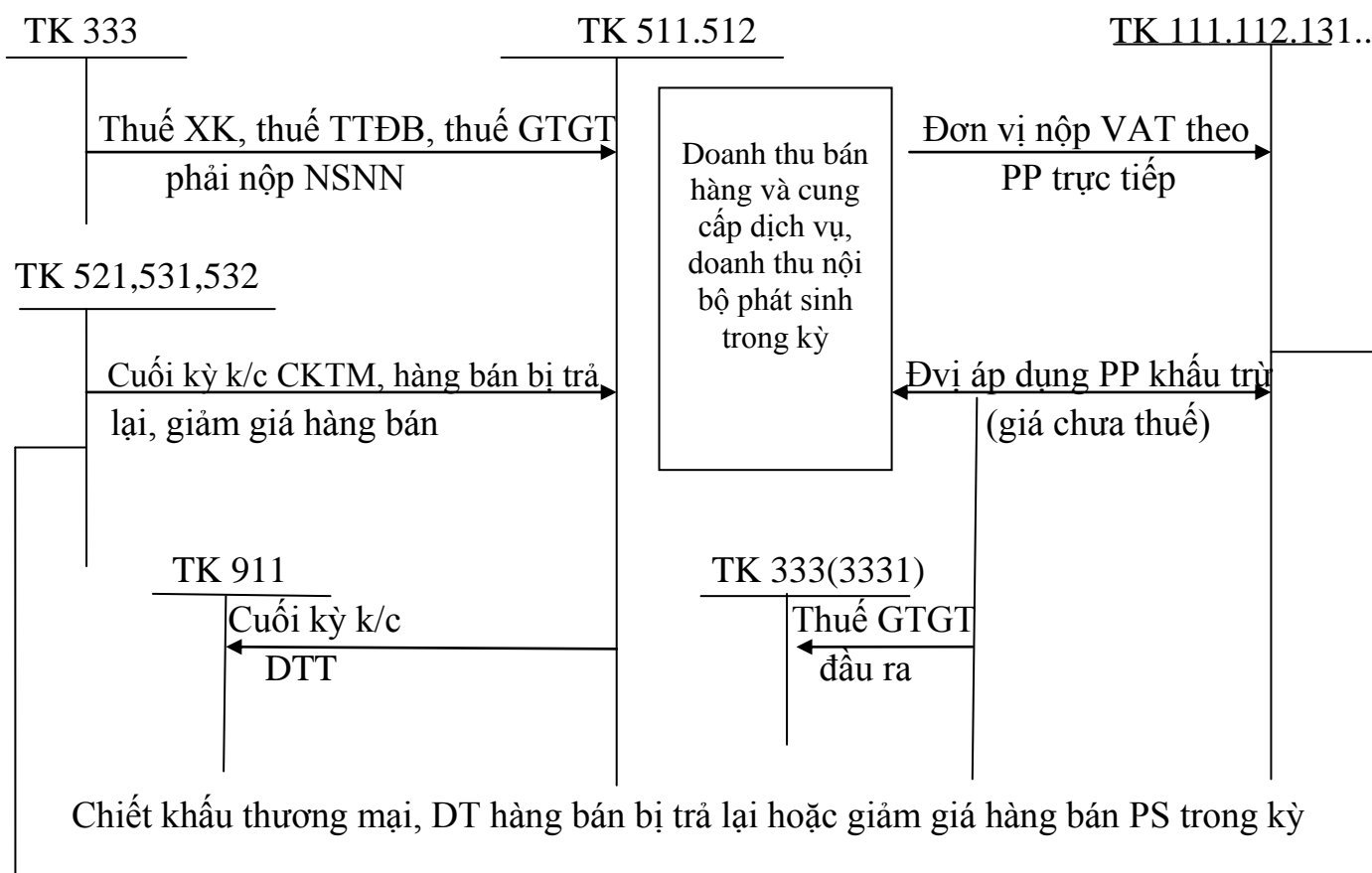
Tài khoản này có 9 TK cấp 2, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu chỉ sử dụng 3 TK cấp 2 sau:

- TK3331: Thuế GTGT phải nộp.
- TK3332 : Thuế TTĐB.
- TK3331: Thuế XNK.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02- VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 – GTGT – 322)

1.2.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng

-Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.

Tài khoản này phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hoá xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán, các khoản được quy định tính vào giá vốn hàng bán và kết chuyển trị giá vốn hàng bán để xác định kết quả.

***Kết cấu TK 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên**

- Bên nợ:* + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đó bên trong kỳ
 + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường

và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có: + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó bên trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Hoàn thành dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đó lập năm trước)

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

*** Kết cấu TK 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Bên nợ: + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

+ Trích lập số dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đó lập năm trước chưa sử dụng hết)

+ Giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành

Bên có: + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ của TK 511

+ Hoàn thành dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đó lập năm trước).

*Tài khoản 632 không có số dư

Đối với doanh nghiệp hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng TK 631:

-Tài khoản 631- Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính

giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

**Kết cấu TK 631:*

Bên nợ: + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632- Giá vốn hàng bán

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

**Tài khoản 631 không có số dư*

1.2.2.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định trị giá vốn của hàng xuất kho:

** Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{Xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{xuất kho} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân được tính theo 2 phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ: Giá này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn bởi vì cứ sau mỗi lần nhập kho, kế toán lại phải tiến hành tính toán.

***Phương pháp nhập trước – xuất trước**

Theo phương pháp này, giá thuyết rằng số hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước thì mới xuất số nhập sau theo giá thực tế của số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của hàng xuất trước và do vậy giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng mua vào sau cùng.

*** Phương pháp nhập sau – xuất trước:**

Phương pháp này giả định những hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước xuất trước.

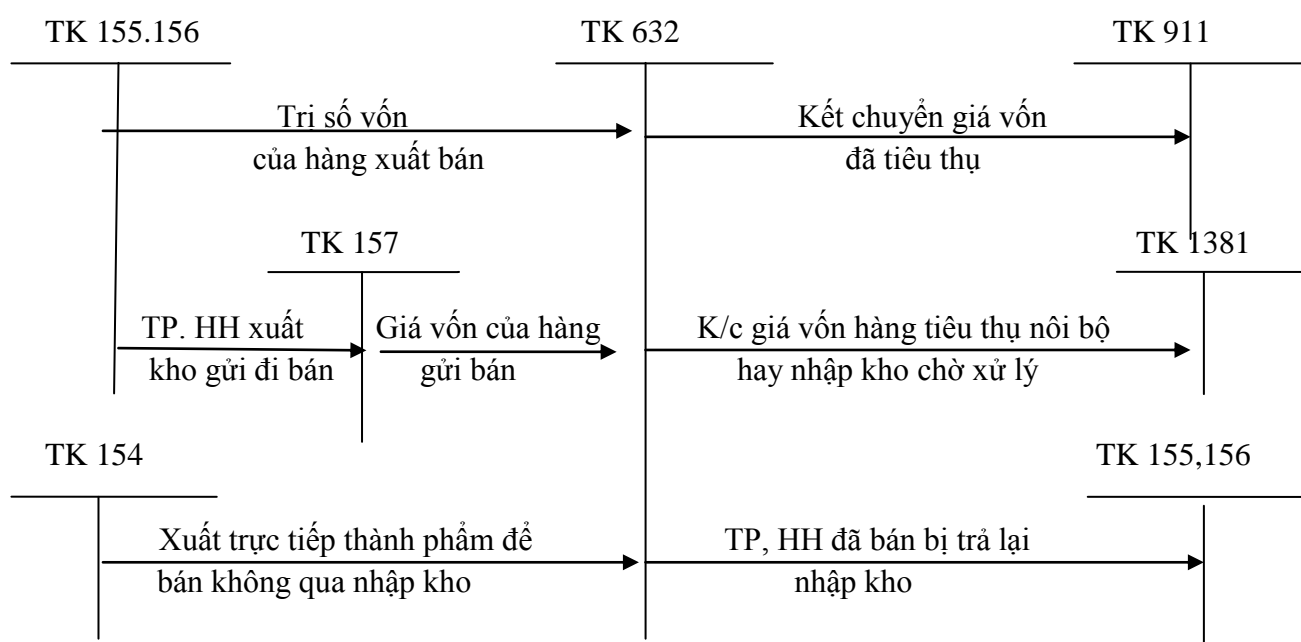
*** Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, hàng được xác định theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng. Khi xuất hàng nào sẽ tính theo giá thực tế của hàng đó.

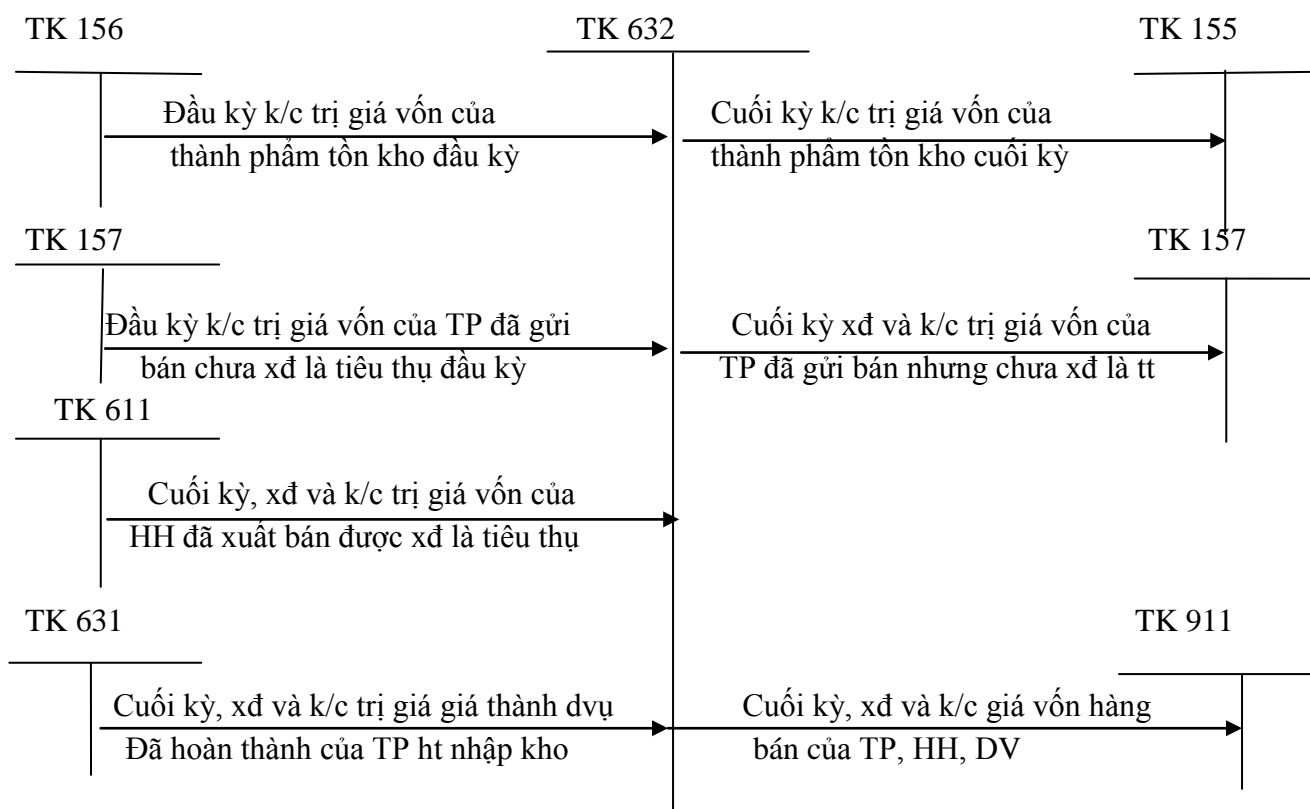
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua 2 sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán hàng theo phương pháp KCTX



Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06- TSCĐ)
- + Bảng phân bổ NVL – CCDC (Mẫu số 07- VT)
- + Các chứng từ gốc liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng .**

Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

**Kết cấu TK 641:*

Bên nợ: + Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên có: + Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Tài khoản 641 không có số dư*

- **Tài khoản K642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh,

quản lý hành chính và chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp.

**Kết cấu TK 642:*

Bên nợ: + Tập hợp chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ

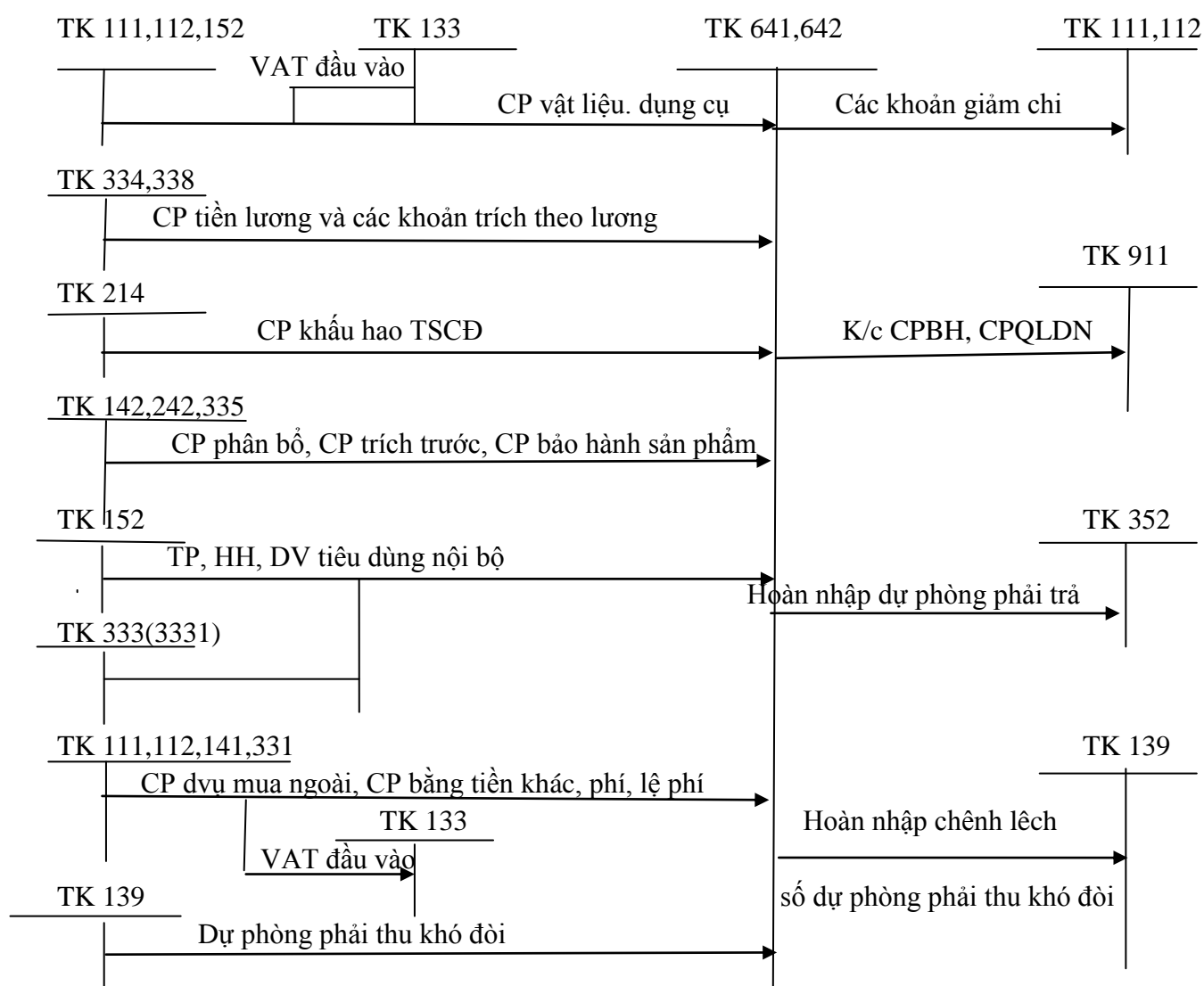
Bên có: + Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp
+ Kết chuyển CPQLDN trong kỳ vào bên nợ TK 911

*Tài khoản 642 không có số dư.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN được thể hiện qua sơ đồ 1.4.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng và chi phí QLDN



1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các hợp đồng vay vốn
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác: phiếu thu, phiếu chi...

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

-Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỉ giá hối đoái... phát sinh của doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản này như sau:*

Bên nợ: + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911

Bên có: + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh

+ Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

+ Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính

**Tài khoản 515 không có số dư*

-Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản này như sau:*

Bên nợ: + Chi phí lãi tiền vay, mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính

+ Lỗ bán ngoại tệ

- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- + Các khoản chi phí tài chính khác

Bên nợ: + Các khoản giảm chi phí tài chính

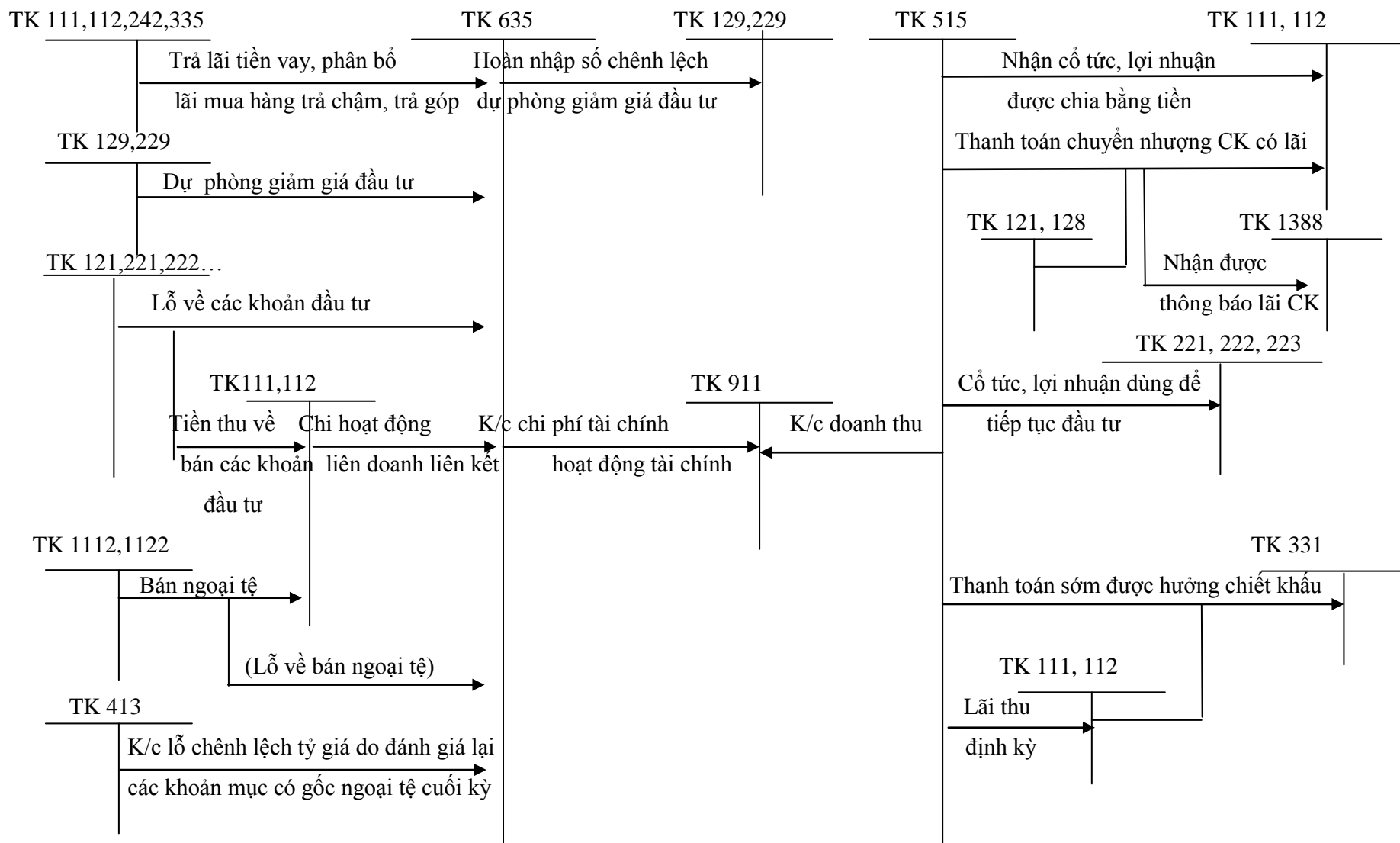
+ Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 635 không có số dư

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5.

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính:



1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua bán
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ...

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

-Tài khoản 711- Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Kết cấu TK 711:*

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- + Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang 911

Bên có:

- + Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

**Tài khoản 711 không có số dư*

-Tài khoản 811- Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

**Kết cấu TK 811:*

Bên nợ:

- + Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có:

- + Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào 911

**Tài khoản 811 không có số dư*

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác thể hiện qua sơ đồ 1.6

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng: - Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

-Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

**Kết cấu TK 911:*

Bên nợ: + Kết chuyển trị giá vốn sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ

+ CPBH, CPQLDN

+ Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác

+ Kết chuyển lãi sau thuế

Bên có: + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, lao vụ dịch vụ hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ

+ Doanh thu hoạt động tài chính

+ Thu nhập khác, khoản ghi giảm CP thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Kết chuyển lỗ

**Tài khoản 911 không có số dư*

-Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

**Kết cấu TK 821*

Bên nợ: + Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm

+ Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Bên có: + Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm

+ Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

+ Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911- Xác định KQKD

**Tài khoản 821 không có số dư*

***Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình

hình phân chia LN hoặc xử lý lỗ của DN.

**Kết cấu TK 421:*

Bên nợ: + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp

+ Chi cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên

Bên có: + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ

+ Số lợi nhuận cấp dưới nộp, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

-TK 421 có số dư bên nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

-TK 421 có số dư bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả KD được thể hiện qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHẠM BẢO

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo
Tên giao dịch tiếng anh : PHAM BAO SERVICE AND TRADING
PRODUCTION COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt : PHAM BAO CO ., LTD.

Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH.

Địa chỉ : Số 8, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Fax : 04.37822042

Điện thoại: 04.37822042

Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo được xây dựng và thành lập vào tháng 5 năm 2006. Là doanh nghiệp do các thành viên cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chia lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng. Công ty được nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh. Mọi hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, công ty có quyền kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh, được quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền thừa kế về vốn, tài sản và các quyền lợi hợp pháp khác. Các quyền lợi hợp pháp của công ty được pháp luật bảo vệ.

Quãng đường 6 năm chưa phải là thời gian đủ để một doanh nghiệp khẳng định sự tồn tại và phát triển ổn định, với tiêu chí hoạt động: Chất lượng, lòng tin và thương hiệu của mình trên thị trường cạnh tranh khốc liệt trong quá trình hội

nhập với nền kinh tế quốc tế và khu vực... Với phương châm “ Sự hài lòng, lợi ích của khách hàng là sự thành công của công ty”, sự xuất hiện của công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo đã góp phần không nhỏ trong công cuộc xây dựng nền kinh tế thị trường, đổi mới đất nước.

✿ *Ngành nghề kinh doanh.*

- Sản xuất, gia công, mua bán các mặt hàng khung nhôm, cửa kính, cửa cuốn điện, phụ kiện nhôm kính;

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;

- Sản xuất, mua bán thiết bị văn phòng, trường học, gia đình, đồ nội, ngoại thất;

- Đại lý mua, ký gửi hàng hóa;

✿ *Nhiệm vụ của công ty*

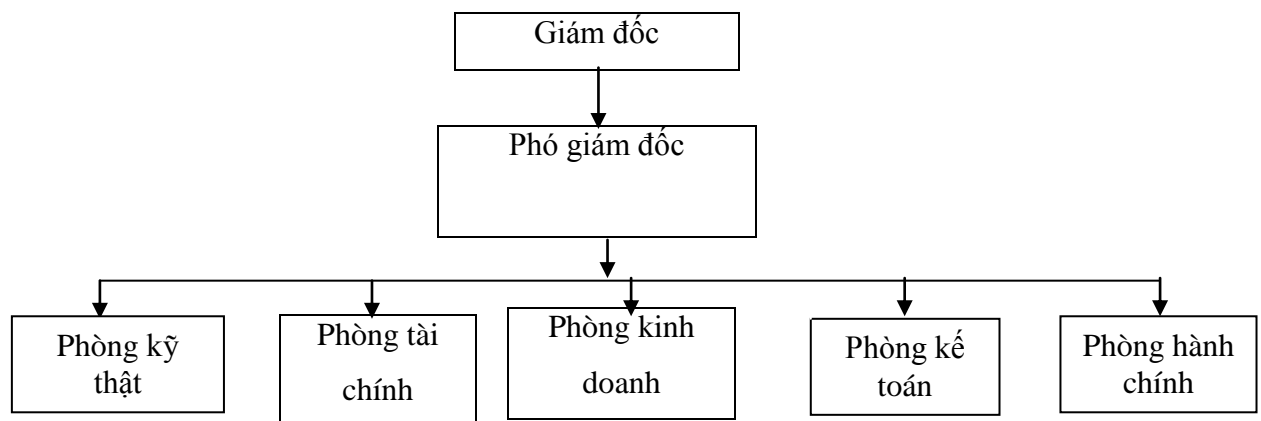
- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước hiện đại hóa phương pháp phục vụ, xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp trong điều kiện mới.

- Mở rộng các mối quan hệ, phát triển thị trường, đảm bảo cân bằng thu chi, hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, nâng cao đời sống của người lao động.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp, tạo nên sự thống nhất, nhịp nhàng giữa các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp. Ngoài ra còn đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quá trình sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng thể hiện qua sơ đồ 2.1 như sau:

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty:

✿ **Giám đốc** : Là người đứng đầu bộ máy quản lý chịu trách nhiệm cao nhất về mọi mặt tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty. Đại diện cho quyền lợi công ty trước pháp luật và nhà nước. Giám đốc ngoài việc ủy quyền cho các Phó giám đốc còn trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các trưởng phòng ban.

✿ **Phó giám đốc** : Là người giúp việc cho Giám đốc công ty hoạch định chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, tham gia vào xây dựng bộ máy tổ chức, phương thức quản lý. Tùy theo tình hình thực tế, Giám đốc công ty có thể ủy quyền cụ thể cho Phó giám đốc công ty phụ trách một số việc.

✿ **Phòng Kỹ thuật** : Có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp, thay thế thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao, tham gia vào giám sát các hoạt động đầu tư máy móc, thiết bị của công ty và các công trình cơ bản khác.

✿ **Phòng tài chính** :

- Lên kế hoạch cung ứng vốn kịp thời, đầy đủ theo kế hoạch và tiến độ thi công.

- Theo dõi, kiểm tra hoạt động cung ứng, mua bán và thanh quyết toán trong nội bộ và khách hàng.

- Hạch toán và tổng hợp số liệu tài chính phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của công ty báo cáo Giám đốc.

✿ **Phòng kinh doanh** : Theo dõi giám sát về tiến độ thực hiện hợp đồng, xây

dựng các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, tham mưu cho giám đốc về kế hoạch kinh doanh trong những năm tới.

✳ **Phòng hành chính** : Theo dõi, quản lý lao động, cán bộ trong công ty, chăm lo sức khỏe, đời sống người lao động, quản lý an toàn lao động.

✳ **Phòng kế toán** : Ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính, phân phối giám sát các nguồn vốn bằng tiền, bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

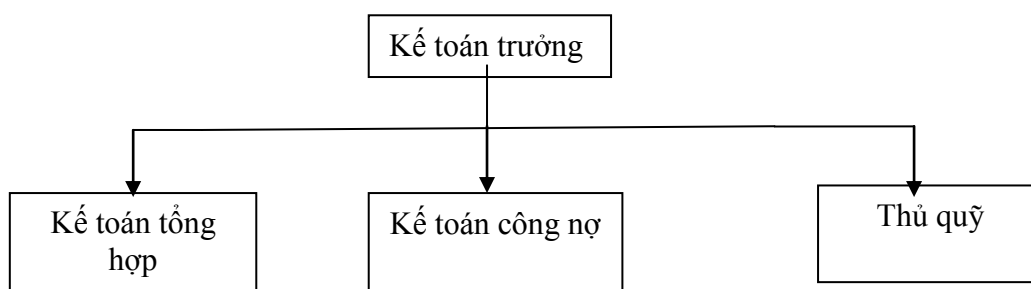
Với mô hình tổ chức bộ máy quản lý như trên ngoài sự điều hành của Giám đốc và Phó giám đốc, công ty còn nhận được sự tham mưu, quản lý và giám sát của các phòng nghiệp vụ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả kinh tế cao.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Căn cứ vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và các yêu cầu về thông tin kế toán, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung được thể hiện qua sơ đồ 2.2 như sau:

Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.



Theo mô hình trên, chức năng, nhiệm vụ của từng người cụ thể như sau :

✳ **Kế toán trưởng của công ty** :

- Là tham mưu cho bộ máy lãnh đạo quản lý và điều hành công ty về quản lý tài chính kế toán, trực tiếp tổ chức công tác ghi chép theo dõi phản ánh mặt quản lý tài chính kế toán của công ty.

- Thực hiện tốt chức năng tham mưu trong công tác kế toán tài chính.

-Hướng dẫn kiểm tra đơn đốc, xây dựng hệ thống ghi chép, thống kê kế toán của công ty và tổ chức sản xuất trở lên đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời, thường xuyên tổng hợp báo cáo lên giám đốc theo quy định.

-Làm đầy đủ và có chất lượng cao các báo cáo quyết toán tài chính năm, chuẩn bị tài liệu cho phân tích kinh tế, hoàn thành các nội dung và yêu cầu khác theo điều lệ và theo luật định.

✳ **Kế toán tổng hợp** : Tổng hợp số liệu kê khai thuế của đơn vị, lập báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, tập hợp các chứng từ, bảng kê của các kế toán của doanh nghiệp. Đồng thời tập hợp chi phí phát sinh và tính giá thành cho các sản phẩm, công trình.

✳ **Kế toán công nợ** : Chịu trách nhiệm ghi chép, theo dõi và quyết toán các dự án đầu tư của công ty, đối chiếu thanh toán công nợ với các khách hàng bên ngoài và công nợ nội bộ.

✳ **Thủ quỹ** : Chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt tại quỹ. Hàng ngày kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ để chuyển cho kế toán tiền mặt ghi sổ.

2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty

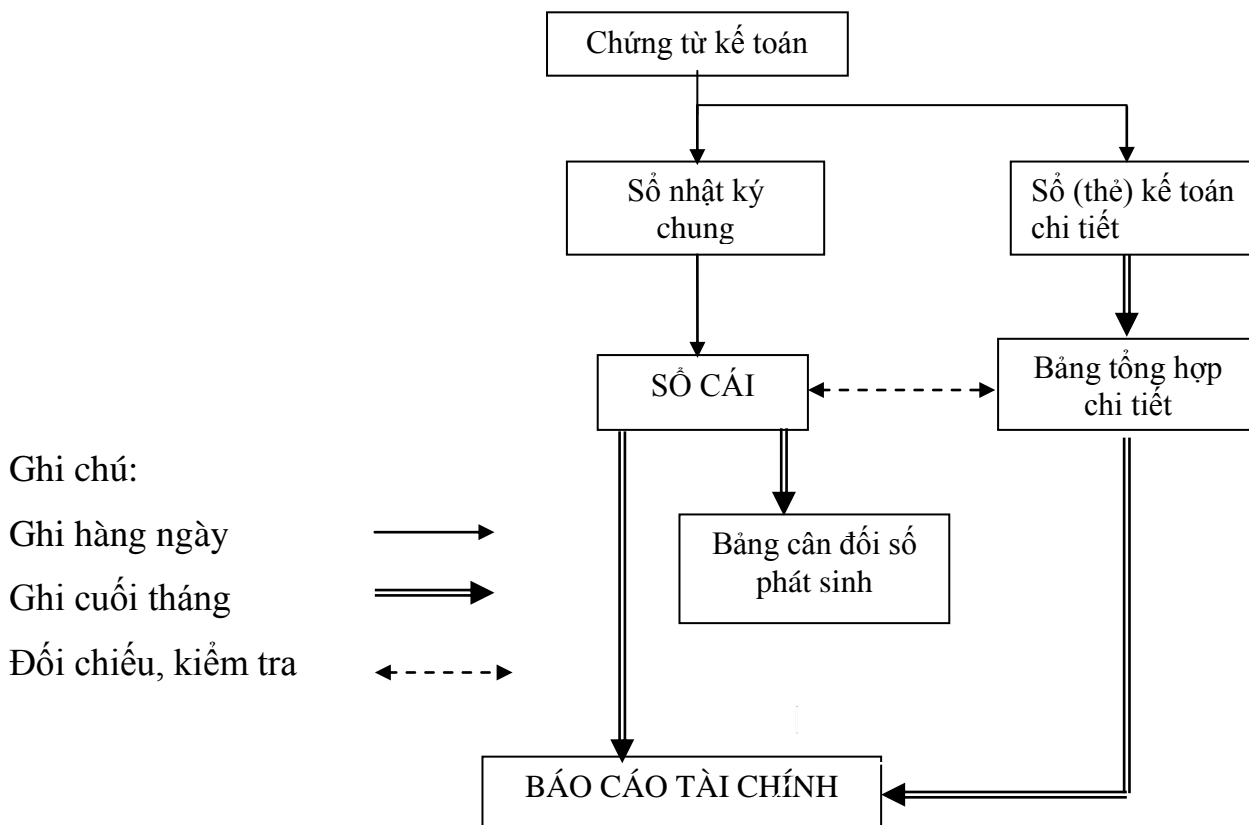
Công ty vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

Tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung giúp cho sự chỉ đạo công tác kế toán được thống nhất, chặt chẽ, tổng hợp được số liệu và thông tin kinh tế kịp thời, tạo điều kiện trong phân công lao động và nâng cao trình độ chuyên môn hóa lao động hạch toán. Do đó giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế của đơn vị.

Do đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh cũng như quy mô sản xuất công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo tổ chức ghi sổ theo hình thức sổ **Nhật ký chung** để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, phản ánh quá trình sản xuất kinh doanh. Đây là hình thức ghi sổ kế toán đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với các chứng từ cần hạch toán chi tiết (phiếu nhập, xuất vật tư) kế toán vật tư ghi vào sổ chi tiết vật tư.

Cuối quý, kế toán tổng hợp cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết), bảng cân đối số phát sinh sẽ được dùng để lập các báo cáo tài chính.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính tại công ty.

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
- Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty

Doanh thu tại công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm như:

- Khung nhôm, phụ kiện nhôm kính
- Cửa kính, cửa cuốn điện
- Tời cửa cuốn
- Mô tơ cửa cuốn
-

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

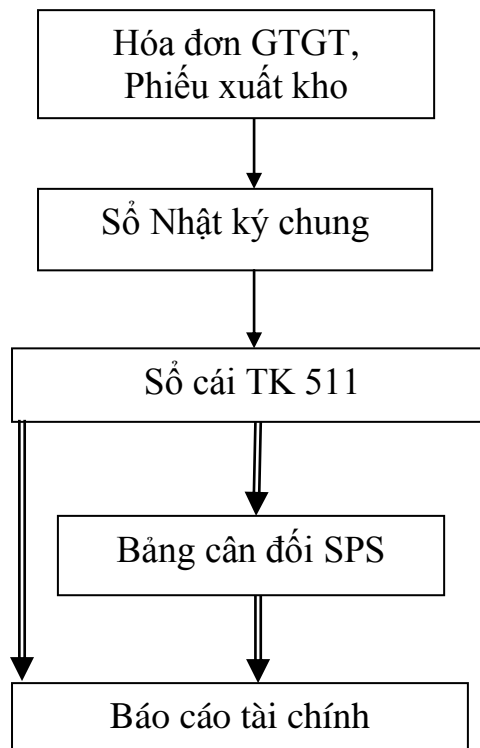
TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 111,112,131,3331.....

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã được ký kết, kế toán phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng quy định ghi trong hợp đồng không. Từ đó kế toán lập hóa đơn GTGT. Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái, từ sổ cái vào bảng cân đối SPS. Cuối kỳ, kế toán kết hợp sổ cái và bảng cân đối SPS để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 1: Ngày 22/12/201, công ty xuất bán bộ thiết bị cửa cuốn M400D cho Công ty TNHH TM và XD Sông Hương với số tiền trước thuế là: 92.950.000, VAT: 9.295.000, tổng cộng tiền thanh toán: 102.245.000.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT(**Biểu 2.1**) kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung (**Biểu 2.2**). Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 (**Biểu 2.3**).

Biểu 2.2: Trích Sổ nhật ký chung năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
02/12/2011	HĐ0000 043	02/12/2011	Xuất tài cửa cuốn GP-AD24V-500kg cho công ty TNHH Đức Tháng Năm	131 511 3331	12.650.000	11.500.000 1.150.000
02/12/2011	PXK 105	02/12/2011	Giá vốn tài cửa cuốn GP-AD24V-500kg cho công ty TNHH Đức Tháng Năm	632 156	10.350.000	10.350.000
...
22/12/2011	HĐ0000 063	22/12/2011	Doanh thu bán bộ thiết bị cửa cuốn M400D cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	131 511 3331	102.245.000	92.950.000 9.250.000
22/12/2011	PXK 125	22/12/2011	Giá vốn bán bộ thiết bị cửa cuốn M400D cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	632 156	80.454.660	80.454.660
...
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng, xác định kết quả kinh doanh quý 4	511 911	1.638.654.347	1.638.654.347
			Cộng phát sinh cả năm		21.120.320.487	21.120.320.487

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3 Trích sổ cái TK 511 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4/ 2011			
...
02/12/2011	HĐ00 00043	02/12/2011	Doanh thu bán tài cửa cuốn cho công ty TNHH Đức Tháng Năm	131		11.500.000
...
22/12/2011	HĐ00 00063	22/12/2011	Doanh thu bán tài cửa cuốn cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	131		92.950.000
...
29/12/2011	HĐ00 00070	29/12/2011	Doanh thu bán tài cửa cuốn cho Công ty TNHH Việt Tình	131		23.356.890
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu bán hàng, xác định kết quả kinh doanh quý 4	911	1.638.654.347	
			Cộng phát sinh quý 4		1.638.654.347	1.638.654.347

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo

Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để xác định trị giá vốn hàng bán.

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

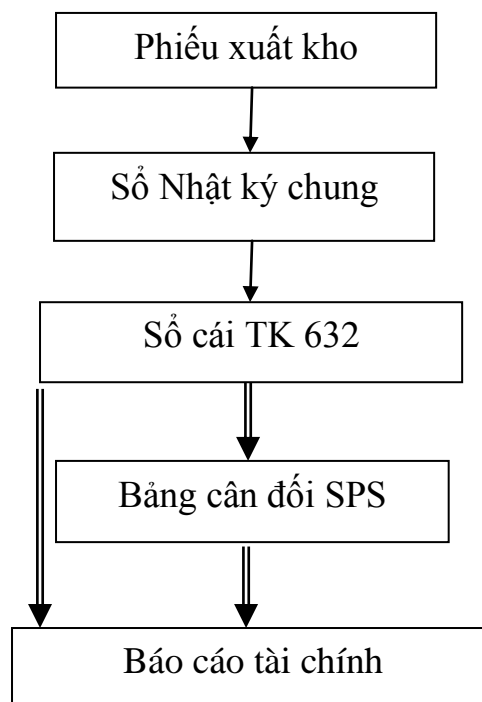
- Hóa đơn GTGT đầu ra
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê bán hàng, hợp đồng giao nhận

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 632- Giá vốn hàng bán
- TK 156- Hàng hóa

2.2.2.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán giá vốn tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Ví dụ 2 (Minh họa tiếp giá vốn của nghiệp vụ bán hàng ở VD1): Từ HĐGTGT số 0000063 kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho (**Biểu 2.4**). Từ phiếu xuất kho, kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.5**), Sổ cái TK 632 (**Biểu 2.6**).

Biểu 2.4: Phiếu xuất kho

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 Phố Yên Hòa- P Yên Hòa- Q Cầu Giấy- HN

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22/12/2011

Số 125

Nợ TK 632: 80.454.660

Có Tk 156: 80.454.660

Họ tên người nhận hàng: Phạm Quang Đăng

Xuất tại kho: Kho hàng hóa

Tên khách hàng: CTy TNHH TM và XD Sông Hương

STT	Tên hàng hóa	Mã số	Đ.V.T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Tời cửa cuốn	M400D	Bộ	143	143	562.620	80.454.660
	Cộng						80.454.660

Tổng giá trị: 80.454.660

Cộng thành tiền: tám mươi triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng./

Thủ tương đơn vị**Kế toán trưởng****Người nhận****Thủ kho**

Biểu 2.5: Trích sổ Nhật ký chung năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
02/12/2011	HĐ0000 043	02/12/2011	Xuất tài cửa cuốn GP-AD24V-500kg cho công ty TNHH Đức Tháng Năm	131 511 3331	12.650.000	11.500.000 1.150.000
02/12/2011	PXK 105	02/12/2011	Giá vốn tài cửa cuốn GP-AD24V-500kg cho công ty TNHH Đức Tháng Năm	632 156	10.350.000	10.350.000
...
22/12/2011	HĐ0000 063	22/12/2011	Doanh thu bán bộ thiết bị cửa cuốn M400D cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	131 511 3331	102.245.000	92.950.000 9.250.000
22/12/2011	PXK 125	22/12/2011	Giá vốn bán bộ thiết bị cửa cuốn M400D cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	632 156	80.454.660	80.454.660
...
31/12/2011	PKT 217	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán, xác định giá vốn hàng bán quý 4	911 632	975.095.925	975.095.925
			Cộng phát sinh cả năm		21.120.320.487	21.120.320.487

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6: Trích sổ cái TK 632 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
 Năm 2011
 Tên TK: Giá vốn hàng bán
 Số hiệu TK: 632

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4/2011			
...
02/12/2011	PXK 105	02/12/2011	Giá vốn bán tờ cửa cuốn cho công ty TNHH Đức Tháng Năm	156	10.350.000	
22/12/2011	PXK 125	22/12/2011	Giá vốn bán bộ thiết bị cửa cuốn M400D cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	156	80.454.660	
...
31/12/2011	PKT 217	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán, xác định giá vốn hàng bán quý 4	911		975.095.925
			Cộng phát sinh quý 4		975.095.925	975.095.925

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

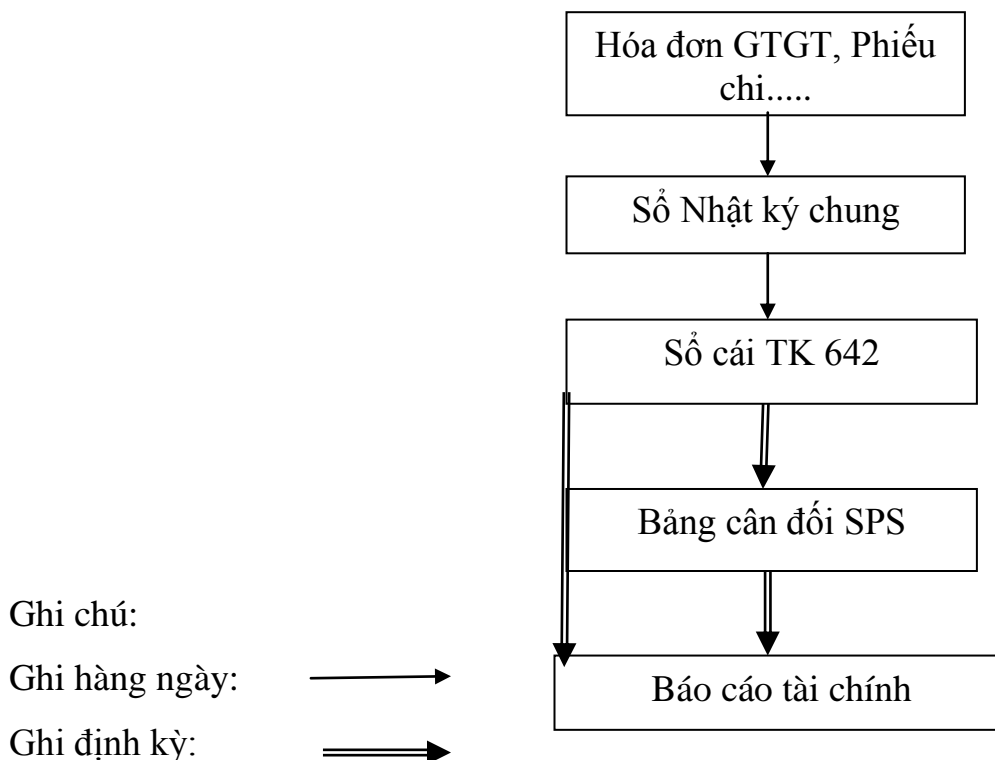
TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421. Chi phí bán hàng
- TK 6422. Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán chi phí bán quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo



Ví dụ 3: Ngày 15/12/2011 Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2011 .

Kế toán nhận được HĐGTGT số 1875597 (**Biểu 2.7**) và phiếu chi(**Biểu 2.8**).

Từ HĐGTGT và Phiếu chi, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.9**) và sổ cái TK 642 (**Biểu 2.10**).

Biểu 2.8: Phiếu chi- Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo

Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy - HN

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2011 Số 130

Nợ 6422 698.327

Nợ 133 69.833

Có 111 768.160

Họ tên người nhận: Phạm Thị Mai Lan

Địa chỉ : Thủ quỹ

Lý do chi : Thanh toán tiền điện thoại tháng 11

Số tiền : 768.160 VNĐ

Số tiền bằng chữ : Bảy trăm sáu mươi tám nghìn một trăm sáu mươi đồng./.

Kèm theo : 01 HĐGTGT

Đã nhận đủ số tiền :

Người lập biểu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.9: Trích sổ nhật ký chung năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
15/11/2011	PC 65	15/11/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 10/2011	6422 133 111	782.215 78.222	860.437
...
15/12/2011	PC 130	15/12/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011	6422 133 111	698.327 69.833	768.160
18/12/2011	PC 133	18/12/2011	Thanh toán tiền tổ chức hội nghị	6422 111	3.250.000	3.250.000
...
31/12/2011	PKT 218	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý, xác định kết quả kinh doanh quý 4	911 6422	470.953.261	470.953.261
			Cộng phát sinh cả năm		21.120.320.487	21.120.320.487

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10: Trích sổ cái TK 6422 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 6422

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4/2011			
...
15/11/2011	PC 65	15/11/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 10/2011	111	782.215	
...
15/12/2011	PC 130	15/12/2011	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011	111	698.327	
18/12/2011	PC 133	18/12/2011	Thanh toán tiền tổ chức hội nghị	111	3.250.000	
...
31/12/2011	PKT 218	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý, xác định kết quả kinh doanh quý 4	911		470.953.261
			Cộng phát sinh quý 4		470.953.261	470.953.261

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Phiếu tính lãi, phiếu trả lãi
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK 515. Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

Ví dụ 4: Ngày 31/12/2011, Công ty nhận được giấy báo có (**Biểu 2.11**) của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Cầu Giấy về tiền lãi nhận được, số tiền: 65.302 VNĐ.

Biểu 2.11. Giấy báo có ngân hàng

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
GIẤY BÁO CÓ			
		Ngày 31/12/2011	
SỐ TÀI KHOẢN : 102010000226767		15:58:40	
TÊN TÀI KHOẢN : CTY TNHH SX TM VÀ DV PHẠM BẢO			
Kính gửi: Cty TNHH SX TM và DV Phạm Bảo			
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Có với nội dung như sau:			
Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại	CTY TNHH SX TM VA DV
31/12/2011	65.302	tiền	PHAM BAO NHAP LAI TU
15:58:40		VND	NGAY 01/12 ĐẾN
31/12/2011			
Giao dịch viên		Kiểm soát	

Ví dụ 5. Ngày 16/12/2011, công ty nhận được giấy báo nợ (**Biểu 2.12**) của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Cầu Giấy về tiền lãi vay phải trả Tháng 12/2011, số tiền 8.086.658 VNĐ.

Biểu 2.12. Giấy báo nợ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
GIẤY BÁO NỢ			
			Ngày 16/12/2011
SỐ TÀI KHOẢN : 102010000226767			14:34:28
TÊN TÀI KHOẢN : CTY TNHH SX TM VÀ DV PHẠM BẢO			
Kính gửi: Cty TNHH SX TM và DV Phạm Bảo			
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Nợ với nội dung như sau:			
Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại	CTY TNHH SX TM VA DV
16/12/2011	8.086.658	tiền	PHAM BAO TRA LAI VAY
14:34 :28		VND	NGAN HANG THANG
			12/2011
Giao dịch viên		Kiểm soát	

Từ giấy báo có (**Biểu 2.11**), giấy báo nợ(**Biểu 2.12**) của ngân hàng, kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.13**), sau đó vào sổ cái TK 515 (**Biểu 2.14**) và sổ cái TK635(**Biểu2.15**)

Biểu 2.13: Trích sổ nhật ký chung năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
16/12/2011	GBN 1612	16/12/2011	Trả tiền lãi cho ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	635 112	8.086.658	8.086.658
18/12/2011	HĐ00 00059	18/12/2011	Theo dõi tiền bán phế liệu, phế thải D.Thu tiền bán phế liệu Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3386 5113 3331	20.015.039	18.195.490 1.819.549
31/12/2011	GBC 3112	31/12/2011	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	112 515	65.302	65.302
31/12/2011	PKT 216 ... PKT 219	31/12/2011	-Kết chuyển doanh thu tài chính quý 4 ... -Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	515 911 ... 911 635	408.316 ... 129.389.484	408.316 ... 129.389.484
			Cộng phát sinh cả năm		21.120.320.487	21.120.320.487

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Trích sổ cái TK 515 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4/2011			
...
24/12/2011	GBC 2412	24/12/2011	Nhập lãi TKTG tại ngân hàng Eximbank	112		36.777
31/12/2011	GBC 3112	31/12/2011	Nhập lãi TKTG tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	112		65.302
31/12/2011	PKT 216	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	911	408.316	
			Cộng phát sinh quý 4		408.316	408.316

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15. Trích sổ cái TK 635 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Chi phí tài chính

Số hiệu TK: 635

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh quý 4/2011			
...
16/12/2011	GBN 1612	16/12/2011	Trả tiền lãi tháng 12/2011	112	8.086.658	
...
31/12/2011	PKT 219	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911		129.389.484
			Cộng phát sinh quý 4		129.389.484	129.389.484

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Trong năm 2011 Công ty không phát sinh các nghiệp vụ có liên quan đến phân hành kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.**2.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

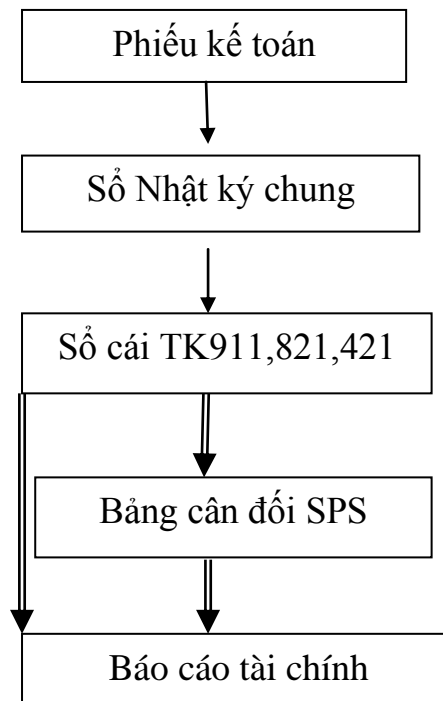
- Phiếu kế toán

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo

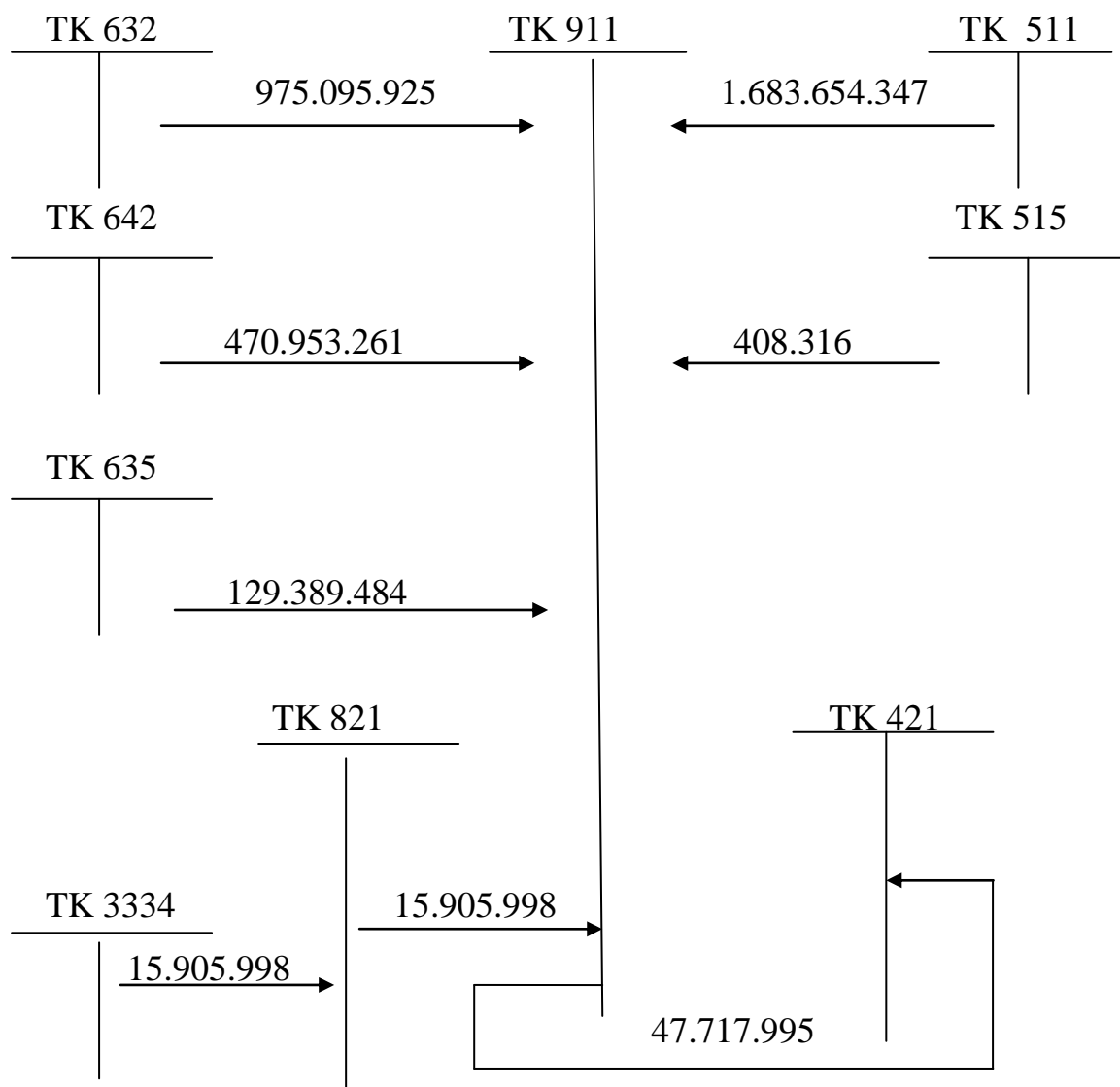


Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định: =============>

Kế toán căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp ở các sổ để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, bằng sơ đồ chữ T như sau:



Căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển như kết chuyển doanh thu, kết chuyển giá vốn...(từ biểu 2.16 đến biểu 2.23) Kế toán phản ánh việc hạch toán kết quả kinh doanh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.24**) và sổ cái các tài khoản liên quan: Sổ cái TK 911(**Biểu 2.25**), TK 821(**Biểu 2.26**), TK 421(**Biểu 2.27**).

Biểu 2.16: Phiếu kế toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 215

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C doanh thu thuần quý 4	511	911	1.638.654.347
	Cộng			1.638.654.347

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.17: Phiếu kế toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 216

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	408.316
	Cộng			408.316

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.18: Phiếu kế toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 217

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C giá vốn hàng bán quý 4	911	632	975.095.925
	Cộng			975.095.925

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.19: Phiếu kế toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 218

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911	642	470.953.261
	Cộng			470.953.261

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.20: Phiếu kê toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KÊ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 219

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí tài chính quý 4	911	635	129.389.484
	Cộng			129.389.484

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.21: Phiếu kê toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KÊ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 220

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	821	3334	15.905.998
	Cộng			15.905.998

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 221

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí thuế TNDN quý 4	911	821	15.905.998
	Cộng			15.905.998

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.23: Phiếu kế toán

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 222

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C lợi nhuận quý 4	911	421	47.717.995
	Cộng			47.717.995

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.24: Trích sổ nhật ký chung năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu thuần	511 911	1.638.654.347	1.638.654.347
31/12/2011	PKT 216	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	408.316	408.316
31/12/2011	PKT 217	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn	911 632	975.095.925	975.095.925
31/12/2011	PKT 218	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	470.953.261	470.953.261
31/12/2011	PKT 219	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	129.389.484	129.389.484
31/12/2011	PKT 220	31/12/2011	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	15.905.998	15.905.998
31/12/2011	PKT 221	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	15.905.998	15.905.998
31/12/2011	PKT 222	31/12/2011	Kết chuyển lãi	911 421	47.717.995	47.717.995
			Cộng phát sinh cả năm		21.120.320.487	21.120.320.487

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25. Sổ cái TK 911 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12/2011	PKT 215	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu thuần	511		1.638.654.347
31/12/2011	PKT 216	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		408.316
31/12/2011	PKT 217	31/12/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	975.095.925	
31/12/2011	PKT 218	31/12/2011	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	470.953.261	
31/12/2011	PKT 219	31/12/2011	Kết chuyển chi phí tài chính	635	129.389.484	
31/12/2011	PKT 221	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	15.905.998	
31/12/2011	PKT 222	31/12/2011	Kết chuyển lãi	421	47.717.995	
			Cộng phát sinh quý 4		1.639.062.663	1.639.062.663

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.26. Sổ cái TK 821 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12/2011	PKT 220	31/12/2011	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	15.905.998	
31/12/2011	PKT 221	31/12/2011	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		15.905.998
			Cộng phát sinh quý 4		15.905.998	15.905.998

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27. Sổ cái TK 421 quý 4 năm 2011

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa – P Yên Hòa – Q Cầu Giấy – HN.

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý 4			132.354.516
31/12/2011	PKT 222	31/12/2011	Kết chuyển lãi	911		47.717.995
			Cộng phát sinh quý 4			47.717.995
			Số dư cuối quý 4			180.072.511

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHẠM BẢO

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

Kể từ khi thành lập Công ty đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng về mọi mặt trong quản lý sản xuất nói chung cũng như trong công tác kế toán nói riêng. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong công ty, tập thể phòng kế toán không ngừng trau dồi nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của công ty.

Trong nền kinh tế thị trường đầy thử thách buộc công ty phải tự mình kinh doanh có lãi, tự chủ về tài chính. Lãnh đạo của công ty đã đưa ra nhiều giải pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn của công ty để hòa nhập với cơ chế thị trường.

Kế toán doanh thu của công ty đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện về tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp mọi thông tin một cách chính xác và kịp thời phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích, lập kế hoạch và công tác lãnh đạo.

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo dựa trên đặc điểm, tình hình thực tế của công ty và vận dụng sáng tạo chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, hạch toán chính xác kết quả bán hàng, theo dõi quá trình thanh toán của từng khách hàng, tập hợp đầy đủ các khoản chi phí nhờ đó mà xác định kết quả doanh thu ở từng thời điểm.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt

cho nhân viên. Chính vì vậy mà doanh thu hàng năm của công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo năng động của ban giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình tận tụy của các nhân viên kế toán, em đã có điều kiện làm quen thực tế và áp dụng củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường.

Qua đó em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

3.1.1 Ưu điểm

Là một công ty sản xuất kinh doanh - Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo đã và đang xây dựng một cơ chế quản lý sản xuất kinh doanh mới nhằm phù hợp với nền kinh tế thị trường sản xuất kinh doanh bước đầu đem lại hiệu quả. Trong điều kiện khắc nghiệt của cơ chế thị trường công ty đã đứng vững và ngày càng khẳng định vai trò của mình trong sản xuất kinh doanh các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong và ngoài thành phố, ngoài ra còn mở rộng sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu ra nước ngoài. Với hình thức, phương thức sản xuất kinh doanh đa dạng phong phú, nhằm tạo ra hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng cao (năm sau cao hơn năm trước), đảm bảo đời sống ổn định cho người lao động trong toàn công ty.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình với nghề, không ngừng nâng cao trình độ chuyên

môn, vì thế công tác kế toán trong công ty đã phần nào giảm thiểu được sai sót, gian lận.

- Công tác kế toán tại công ty đã phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế, theo dõi chặt chẽ, chi tiết tình hình kinh doanh nói chung và tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của từng năm.

*** Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng**

Các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán áp dụng trong quá trình hạch toán đều sử dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Chứng từ kế toán

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại công ty cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận, quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời, khoa học.

- Hệ thống tài khoản, sổ sách sử dụng.

- Công ty sử dụng đầy đủ các tài khoản phản ánh doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

- Công ty sử dụng tương đối đầy đủ sổ sách kế toán phản ánh doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. Sổ sách được mở đúng mẫu theo quy định, được ghi chép rõ ràng, chính xác.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc tổ chức công tác kế toán của công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

*** Về việc sử dụng sổ sách kế toán tại công ty**

Công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng gây khó khăn cho việc theo dõi, xác định lợi nhuận gộp của từng loại hàng. Mặt khác công ty cũng không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho tài khoản này.

*** Công ty chưa lập dự phòng phải thu khó đòi**

Hiện nay, công ty có nhiều khách hàng chậm thanh toán trong khi đó công ty chưa lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh trong doanh nghiệp.

*** Về quá trình luân chuyển chứng từ:**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên trong quá trình luân chuyển, giữa các đơn vị này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất, bị thất lạc.

*** Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán**

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn.

Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả...

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp

đang diễn ra rất gay gắt. Muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện như vậy đòi hỏi bộ máy kế toán phải đáp ứng được các nhu cầu, điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp. Nói cách khác, sự thành bại trong kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán. Công việc kế toán có hầu hết ở các hoạt động kinh tế tài chính diễn ra tại doanh nghiệp. Về thực chất hạch toán kế toán nghiên cứu tài sản trong mối quan hệ với nguồn hình thành và quá trình vận động của tài sản trong các tổ chức, doanh nghiệp; nhưng nó khác các loại hạch toán khác là thực hiện chức năng hạch toán toàn diện và liên tục. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp, lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán là: Chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá và tổng hợp cân đối. Các phương pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, được sử dụng một cách tổng hợp và đồng bộ. Thông qua việc kết hợp các phương pháp này, kế toán có thể cung cấp những thông tin về sự vận động và tuần hoàn của vốn trước, trong và sau quá trình kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà nước quản lý để có những quyết định kinh doanh phù hợp nhất. Ngoài ra, các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm (khách hàng, các nhà đầu tư...) về tình hình tài chính, triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định hợp lý như hỗ trợ, đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ. Với tầm quan trọng như vậy, việc phải hoàn thiện và không ngừng cập nhật, đổi mới công tác kế toán là rất cần thiết, hoàn thiện sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong thị trường hiện nay là một bài toán khá nan giải.

Trong hoạt động kinh doanh nói chung phần hành kế toán hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ là phần hành rất quan trọng. Từ đặc điểm của quá trình sản xuất cho thấy, quá trình cung cấp sản phẩm cho khách hàng cũng chính là quá trình tiêu thụ sản phẩm đó. Đây chính là khâu cuối cùng trong quá trình luân chuyển vốn của doanh nghiệp để chuyển sang hình thái tiền tệ, thể hiện được kết quả và khả năng kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Hoàn thiện kế hoạch này là một vấn đề thực sự cần thiết trong tất cả các doanh nghiệp vì:

- Khi quá trình tiêu thụ và hạch toán tiêu thụ được hoàn thiện điều đó có nghĩa là việc sử dụng hệ thống tài khoản sẽ tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát công tác kế toán toàn công ty. Việc hạch toán tiêu thụ đúng đắn sẽ phản ánh được toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, điều đó cho thấy bộ máy kế toán cung cấp thông tin, số liệu chính xác cho nhà quản trị trong việc ra quyết định cũng như các cơ quan Nhà nước trong việc giám sát quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện quá trình này giúp cho việc hoàn thiện sổ sách của doanh nghiệp. Ngoài hệ thống sổ sách theo quy định doanh nghiệp cần bổ sung những loại sổ sách chi tiết cần thiết nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất tạo điều kiện cho các nhà quản lý hoạch định chiến lược kinh doanh hợp lý cũng như những thông tin bổ ích cho các đối tượng quan tâm. Việc ghi chép chi tiết theo tháng, quý... tạo điều kiện cho công tác kiểm tra đối chiếu số liệu, xác định chính xác tình hình thanh toán công nợ.

Để công tác tổ chức hạch toán kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, đảm bảo đúng chế độ kế toán Việt Nam thì công tác tổ chức hạch toán kế toán cần phải hoàn thiện hơn nữa. Mục tiêu hoàn thiện tổ chức hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là biện pháp mang tính khả thi, có hiệu quả cao đòi hỏi một khoản chi phí thấp, hợp lý. Vì vậy, quan điểm cơ bản của việc hoàn thiện là phải dựa vào nguồn nhân lực, vật lực hiện có cũng như dựa vào bộ máy quản lý hiện có phù hợp với quy mô của công ty. Xuất phát từ mục tiêu và quan điểm như trên, để hoàn thiện hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo cần phải đáp ứng yêu cầu sau:

+ Hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tuân thủ chế độ kế toán, chính sách về quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước trong việc hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả...

+ Hoàn thiện công tác kế toán trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh cũng như đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hạch toán phải tôn trọng nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, theo pháp lệnh kế toán cũng như Luật kế toán mới ban hành và chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận ở Việt Nam.

+ Hoàn thiện hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải được đặt trong mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích đạt được, phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty hoạt động đều và có hiệu quả vì mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả công tác, đồng thời nâng cao lợi nhuận của công ty.

+ Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán phải hướng tới hiện đại hóa, chuyên môn hóa và đảm bảo tính chính xác, kịp thời và cần thiết của các thông tin kế toán cho việc ra quyết định.

3.2.2 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

3.2.2.1 Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

Hiện nay khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở Sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái) chứ chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng, giá vốn giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lợi nhuận gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh.

Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện

pháp cắt giảm chi phí nếu cần thiết để góp phần tăng lợi nhuận.

Dưới đây là biểu mẫu sổ chi tiết bán hàng (**Biểu 3.1**), sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.2**) ban hành theo quyết định 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Mẫu số S17- DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2011

Tên sản phẩm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
			Cộng phát sinh trong kỳ Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp						

Ngày... tháng... năm ...

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:.....

Mẫu số S18- DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

VD: Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 trong phần 2.2.1 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng cụ thể.

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000063 để vào sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng Bộ thiết bị cửa cuốn (**Biểu 3.3**), căn cứ vào phiếu xuất kho số 125 kế toán vào sổ chi tiết giá vốn (**Biểu 3.4**) cho sản phẩm bộ thiết bị cửa cuốn

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu 3.5**) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý doanh nghiệp.

Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa- P Yên Hòa- Q Cầu Giấy- HN

Mẫu số S17- DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2011

Tên sản phẩm: Bộ thiết bị cửa cuốn

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (Bộ)	Đơn giá (Đồng/bộ)	Thành tiền
05/12/2011	HĐ0000046	05/12/2011	Bán hàng cho công ty TNHH Việt Tinh	131	25	650.000	16.250.000
...
22/12/2011	HĐ0000063	22/12/2011	Bán hàng cho công ty TNHH TM và XD Sông Hương	131	143	650.000	92.950.000
...
25/12/2011	HĐ0000066	25/12/2011	Bán hàng cho công ty TNHH Lan Hương	111	11	650.000	7.150.000
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Doanh thu thuần				
			Giá vốn hàng bán				
			Lãi gộp				

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa- P Yên Hòa- Q Cầu Giấy- HN

Mẫu số S18- DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Tên sản phẩm: Bộ thiết bị cửa cuốn

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Số lượng	Đơn giá
...
08/12/2011	PXK 111	08/12/2011	Xuất kho bán hàng cho Cty Vận Tải Hàng Hóa	156	8.439.300	15	562.620
...
22/12/2011	PXK 125	22/12/2011	Xuất kho bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sông Hương	156	80.454.660	143	562.620
...
31/12/2011	PXK 134	31/12/2011	Xuất kho bán hàng cho Cty Cổ Phần Phú Thịnh	156	12.377.640	22	562.620
			Cộng phát sinh				

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công Ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
Số 8 phố Yên Hòa- P Yên Hòa- Q Cầu Giấy- HN

Mẫu số S18- DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng				64221	64222	...	64227	64228
			Số phát sinh trong kỳ							
...
15/12/2011	PC 130	15/12/2011	TT tiền điện thoại T11/2011	111	698.327				698.327	
31/12/2011	BLT12	31/12/2011	Chi phí tiền lương	334	23.500.000	23.500.000				
			Cộng phát sinh							

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2.2. Hoàn thiện công tác lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.

***Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo những điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng nợ về số tiền nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị cơ quan pháp luật truy tố...

Những khoản nợ trên 3 năm trở lên không có khả năng thu hồi nợ được xử lý xóa nợ.

***Phương pháp lập dự phòng**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

** Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thông tư 288/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 như sau:*

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng $\leq T <$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< T <$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< T <$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
>3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố... thì doanh

nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng.

-Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

***Tài khoản sử dụng: TK 159- Các khoản dự phòng.**

**Kết cấu tài khoản này như sau:*

Bên nợ: - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Bên có: - Trích lập các khoản dự phòng giảm giá tài chính đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

**Số dư bên có:* - Số dự phòng giảm giá tài chính đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

TK 159 có 3 tài khoản cấp 2:

- 1591- Dự phòng giảm giá tài chính đầu tư ngắn hạn
- 1592- Dự phòng phải thu khó đòi
- 1593- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi sử dụng TK 1592- Dự phòng phải thu khó đòi.

***Phương pháp hạch toán**

+NV1: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

Nợ TK 6422 : Chi phí QLDN

Có TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

+ NV2: Nếu số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422: Chi phí QLDN (hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

+NV3: Các khoản phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được

thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải theo chính sách tài chính hiện hành.

Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích dự phòng)

Nợ TK 6422: Chi phí QLDN (Nếu chưa trích dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý. Để theo dõi đã xử lý. Để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

+NV4: Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi được nợ, kế toán căn cứ giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK 111,112:

Có TK 711: Thu nhập khác.

VD minh họa:

Dựa vào mức trích lập dự phòng theo thông tư 288/2009/TT-BTC, kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu 3.6**) vào ngày 31/12 như sau:

Biểu 3.6: Trích bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo

Số 8 phố Yên Hòa- P Yên Hòa- Q Cầu Giấy_ HN.

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH vận tải hàng hóa I.T.L	51.690.500	22 tháng 5 ngày	25.845.250
Công ty TNHH Duyên Hải	58.045.658	10 tháng	17.413.697
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Truyền Thông	37.622.650	28 tháng	26.335.855
Tổng cộng	147.358.808		69.594.802

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 69.594.802

Có TK 1592: 69.594.802

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách liên quan.

3.2.2.3. Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ.

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban của công ty còn chậm trễ, các chứng từ được dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán vào cùng thời điểm, điều này gây ra nhiều ứ đọng, làm tăng khối lượng công việc cho kế toán viên tại phòng kế toán công ty, khi hạch toán dễ nhầm lẫn, sai sót. Vì vậy, công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

Khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban không có ký nhận như vậy có thể dẫn đến tình trạng nhầm lẫn, mất mát chứng từ.

Dưới đây là mẫu sổ Giao nhận chứng từ mà công ty có thể áp dụng:

Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày...đến ngày...tháng...năm...

Ngày tháng giao nhận	Ngày, tháng trên chứng từ	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
					Bên giao	Bên nhận
A	B	1	C	2	D	E

Ngày...tháng...năm...

3.2.2.4 Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, các ứng dụng công nghệ vào thực tiễn đời sống nói chung và trong tổ chức kế toán nói riêng là rất cần thiết. Có thể đưa ra những lợi ích của việc sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán như sau:

+ Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu và thao tác in ra.

+ Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi gây ra lỗi.

+ Dễ sử dụng: Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có những hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán. Em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp với công ty mình như phần mềm kế toán **Fast accounting, Misa, effect...**

1. Phần mềm kế toán Fast accounting: Là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Giao diện phần mềm kế toán Fast accounting:



Fast accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 7.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Tính năng:

+ **Fast Accounting** có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả.

+ Phần mềm kế toán **Fast Accounting** đáp ứng những nhu cầu kế toán thông thường của doanh nghiệp.

+ Cập nhật bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính

+ Giao diện và báo cáo của **fast accounting** theo 2 ngôn ngữ Việt và Anh, thuận tiện cho việc sử dụng của nhân viên.

Giá của phần mềm **fast accounting** hiện nay là: 10.000.000 VNĐ

2. Phần mềm kế toán Misa MISA SMS.NET 2012:

Hình ảnh giao diện thân thiện, dễ sử dụng:



Tính năng:

Phần mềm kế toán doanh nghiệp **MISA SMS.NET** được đánh giá là một trong những giải pháp Công nghệ thông tin hay nhất, và được coi là một giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với ưu điểm:

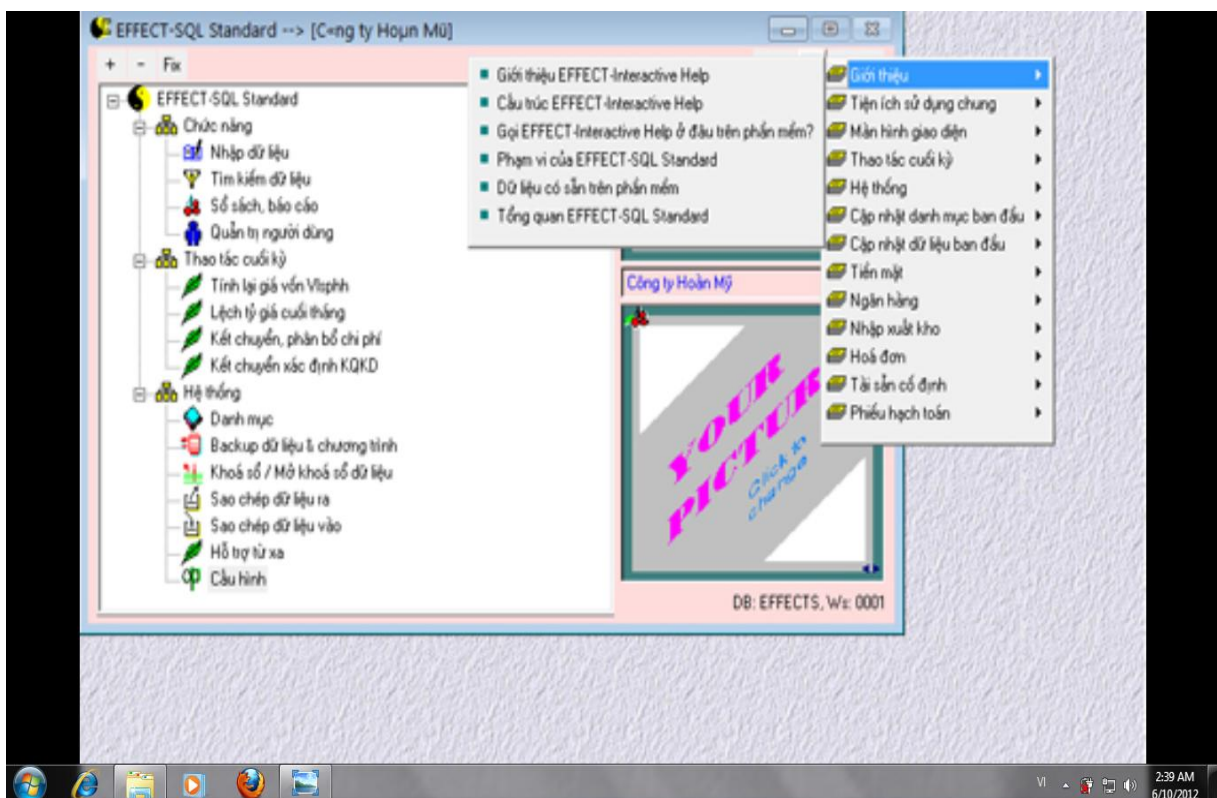
- Đơn giản, dễ sử dụng, tiết kiệm chi phí đầu tư.
- Bảo hành, bảo trì nhanh chóng, kịp thời.
- Tự động hóa hầu hết các nghiệp vụ kế toán, dữ liệu kế toán được cập nhật từng giây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong công tác hạch toán kế toán.
- Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất.

Phần mềm kế toán **MISA.SMS.NET** gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt **MISA SMS.NET 2012** hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2012/NĐ-CP.

Giá phần mềm kế toán Misa SMS.NET: Với gói sản phẩm Enterprise: 9.950.000/gói.

3. Phần mềm kế toán EFFECT

Giao diện:



Tính năng:

-EFFECT-SQL Standard chính là dòng sản phẩm EFFECT- Small sau khi đã được loại bỏ những hạn chế của EFFECT-Small. Vì thế **EFFECT-SQL Standard** cũng là dòng sản phẩm đơn giản, dễ sử dụng dành cho các doanh nghiệp nhỏ

-EFFECT-SQL Standard có thể được nâng cấp lên các dòng sản phẩm sau này tương thích 100% về dữ liệu cũng như cách sử dụng phần mềm. Thao tác nâng cấp phần mềm đơn giản và nhanh chóng. Nâng cấp lên các dòng sản phẩm Customize thì sau khi convert dữ liệu, các công việc Customize phần mềm sẽ được thực hiện.

- Khả năng có thể chạy được từ xa qua Internet, có thể nâng cấp phần mềm.
- Phần mềm đóng gói dễ cài đặt.

Báo giá:

- Chi phí bản quyền sử dụng phần mềm:
Tất cả các phần hành: 5.000.000 VNĐ
Không có phần hành tính giá thành: 3.000.000 VNĐ
- Chi phí theo quy mô doanh nghiệp:
Khi doanh nghiệp sử dụng trên một máy trạm thì phí tính thêm là 500.000 VNĐ/máy.

Theo em thì công ty nên lựa chọn phần mềm kế toán Misa vì:

- + Giá cả hợp lý, phù hợp với công ty.
- + Hình ảnh giao diện thân thiện.
- + Gồm nhiều phân hệ, giúp công ty quản lý tốt mọi hoạt động kinh tế của mình.
- + Đơn giản, dễ sử dụng, không cần hiểu biết nhiều về tin học mà kế toán vẫn có thể sử dụng và làm chủ được phần mềm kế toán.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế-tài chính ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng phải được thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vị trí đặc biệt quan trọng nhất là đối với các doanh nghiệp Thương mại. Vì vậy việc hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Phòng Kế toán Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo em đã đi sâu tìm hiểu về thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua đó thấy được những ưu điểm cũng như những tồn tại trong công tác tổ chức hạch toán nghiệp vụ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn nên các vấn đề đưa ra trong bài khóa luận này chưa có tính khái quát cao, việc giải quyết chưa hẳn đã hoàn toàn thấu đáo và không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đúng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo, các cán bộ trong công ty để bài khóa luận của em được tốt hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa Kế toán- kiểm toán đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn ThS.Nguyễn Thị Mai Linh và phòng Kế toán Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo đã hướng dẫn chỉ bảo em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải phòng, Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Phạm Thị Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1 – Bộ tài chính – NXB Tài chính – Hà Nội 2006.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2 – Bộ tài chính – NXB Tài chính – Hà Nội 2006.
3. Các sổ sách chứng từ của Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo
4. www.ketoan.com.vn
5. Giáo trình nguyên lý kế toán – PGS. Nghiêm Văn Linh – NXB Tài chính – Hà Nội 2006.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản.....	3
1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.....	17
1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHẠM BẢO	26
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo.....	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	26
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	27
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	29
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo	32
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH sản	

xuất thương mại và dịch vụ Phạm Bảo	32
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Cty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo	36
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo.	40
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo.	44
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	49
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo.....	49
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM VÀ DV PHẠM BẢO	59
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo.	59
3.1.1 Ưu điểm.....	60
3.1.2 Hạn chế.....	61
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo. ..	62
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SX TM và DV Phạm Bảo.....	62
3.2.2 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH sản xuất TM và DV Phạm Bảo. ...	65
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82